

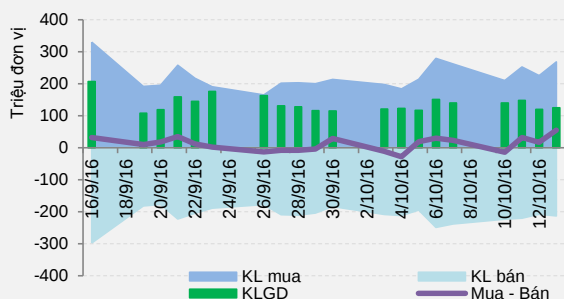
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 13/10/2016

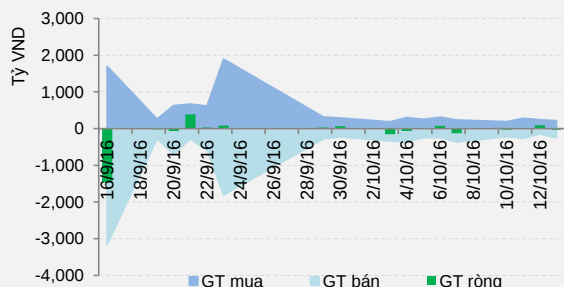
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	685.23	85.34
% Thay đổi	↑ 0.41%	↑ 0.53%
KLGD (CP)	125,171,020	39,716,190
GTGD (tỷ đồng)	2,125.57	418.24
Tổng cung (CP)	213,365,530	92,409,000
Tổng cầu (CP)	268,157,320	76,591,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	7,767,750	868,586
KL mua (CP)	7,254,870	826,291
GTmua (tỷ đồng)	217.85	12.85
GT bán (tỷ đồng)	250.89	15.54
GT ròng (tỷ đồng)	(33.04)	(2.69)

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.49%	10.6	2.0	1.2%
Công nghiệp	↓ -0.20%	15.0	2.5	23.4%
Dầu khí	↓ -0.95%	9.9	0.8	3.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 3.93%	20.8	4.8	5.9%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.52%	84.6	3.3	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.55%	19.3	6.0	18.1%
Ngân hàng	↓ -0.28%	14.3	1.5	2.8%
Nguyên vật liệu	↑ 0.42%	10.9	2.0	17.4%
Tài chính	↑ 1.05%	22.5	2.5	26.3%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.54%	18.9	2.9	0.9%
VN - Index	↑ 0.41%	16.7	3.3	84.2%
HNX - Index	↑ 0.53%	11.1	1.7	15.8%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-Index có phiên giao dịch quanh vùng 680 - 684 điểm như đã nhận định và đóng cửa khá tích cực với mức tăng tăng 2,78 điểm (0,41%) lên mức 685,23 điểm trong khi đó HNX-Index tăng 0,45 điểm (0,53%) lên mức 85,34 điểm. Độ rộng thị trường tiếp tục duy trì ở mức tích cực trên cả 2 sàn. Trên HOSE có 132 mã tăng giá, 62 mã đứng giá và 96 mã giảm giá. Trên HNX, có 93 mã tăng giá, 63 mã đứng giá và 76 mã giảm giá. Trong phiên hôm nay, thị trường tiếp tục được nâng đỡ từ nhóm bluechip, có thể kể đến các trụ cột như MWG, VIC, KDC, GAS, VNM trên HOSE và VCG, VCS, VND, NTP trên HNX. Trong đó MWG có phiên bứt phá khi tăng trần mạnh mẽ với khối lượng khớp lệnh hơn 700 nghìn cổ phiếu. Tuy nhiên thanh khoản trên cả 2 sàn đều chỉ ở mức thấp hơn trung bình và phần lớn tập trung tại các mã cổ phiếu đầu cơ với nhiều mã tăng trần như DLG, HHS, VHG, ASM, FIT, HAR...HOSE với giá trị giao dịch 2.132 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 125 triệu cổ phiếu. HNX có giá trị giao dịch đạt 418 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 40 triệu cổ phiếu.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Với thực tế dòng tiền chưa có sự đột phá hơn nữa ngày mai cũng là phiên mà lượng hàng bắt đáy khá lớn về tài khoản được giao dịch, chúng tôi nghiêng về khả năng diễn biến thị trường tiếp tục giằng co với mốc hỗ trợ ngắn hạn tại 681 điểm và mốc kháng cự tại 690 điểm. Trong trung hạn, xu hướng thị trường vẫn duy trì tích cực với ngưỡng hỗ trợ ở mốc 678 điểm. Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải trong giai đoạn này, tránh mua đuổi cổ phiếu giá cao để chủ động trước những diễn biến của thị trường.

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

Thị trường mở cửa và giảm điểm ngay từ đầu phiên giao dịch, nhưng từ 11h trở đi thị trường giao dịch tích cực hơn với việc một số mã vốn hóa lớn tăng giá tốt, tiêu biểu là VIC và MWG đã kéo VN-Index tăng 2,78 điểm (0,41%) để kết phiên ở mức 685,23 điểm. Thanh khoản thấp hơn trung bình với giá trị giao dịch 2.132 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 125 triệu cổ phiếu.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

13/10/2016

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index là: VIC tăng 800 đồng, MWG tăng 9.600 đồng, GAS tăng 500 đồng, VNM tăng 500 đồng, HPG tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, VCB giảm 300 đồng, ROS giảm 1.600 đồng, HT1 giảm 1.500 đồng.

HNX-Index:

Trong phiên sáng, HNX-Index giảm điểm ngay thời gian mở đầu phiên, nhưng từ khoảng 11h trở đi chỉ số đã hồi phục với sự tăng giá tốt của các cổ phiếu vốn hóa lớn như VCG và ACB đã kéo HNX-Index tăng 0,45 điểm (0,53%) để kết phiên ở mức 85,34 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức thấp với giá trị giao dịch 418 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 40 triệu cổ phiếu.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index là: VCG tăng 700 đồng, ACB tăng 100 đồng, SHB tăng 100 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS giảm 100 đồng, DGL giảm 800 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị 33 tỷ đồng tương ứng với khối lượng 513 nghìn cổ phiếu. CTD là mã bị bán ròng nhiều nhất với giá trị 28 tỷ đồng tương ứng với khối lượng 111 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VIC với 16,3 tỷ đồng tương ứng với 382 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VNM là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 34,6 tỷ đồng tương ứng với 244 nghìn cổ phiếu, tiếp sau là HPG với 10 tỷ đồng tương ứng với 242 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị 2,7 tỷ đồng tương ứng với 42 nghìn cổ phiếu. VNR là mã bị bán ròng nhiều nhất với giá trị 2,3 tỷ đồng tương ứng với 108 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là NTP với giá trị 1,7 tỷ đồng tương ứng với 21 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, BVS là mã được mua ròng nhiều nhất với 977 triệu đồng tương ứng với 53 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index kết phiên với cây nến xanh và chân nến ngắn thể hiện lực mua trong phiên đã áp đảo lực bán ở vùng giá thấp để kéo chỉ số đi lên. Chỉ số đóng cửa ở trên đường MA10 đường MA5 cho tín hiệu trong ngắn hạn là tích cực. Trong trung hạn, tín hiệu của VN-Index vẫn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ được tạo ra bởi đường MA20 ở mức 678 điểm. Chúng tôi dự báo xu hướng trong phiên tới, chỉ số VN-Index có thể kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ gần nhất là 683,5 điểm tương ứng với đường MA10. Nếu mốc hỗ trợ này được giữ vững, thị trường nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng điểm tích cực.

HNX-Index:



HNX-Index kết phiên với cây nến xanh và chân nến dài thể hiện lực mua trong phiên đã chiến thắng lực bán ở vùng giá thấp. Chỉ số đóng cửa ở trên đường MA10 và MA5 cho tín hiệu trong ngắn hạn là tích cực. Trong trung hạn, tín hiệu của chỉ số được duy trì ở mức tích cực với ngưỡng hỗ trợ được tạo ra bởi đường MA20 ở mức 84,3 điểm. Chúng tôi dự báo xu hướng của chỉ số HNX-Index trong phiên tới có thể kiểm tra lại mốc kháng cự gần nhất được tạo ra bởi đường MA10 ở mức 85,1 điểm, nếu mốc kháng cự này trụ vững, nhiều khả năng chỉ số sẽ tiếp tục tăng điểm tích cực.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng

Tới 15h00 chiều 13/10, giá vàng miếng quay đầu tăng. Giá vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức: 35,56 triệu đồng/lượng (mua vào) và 35,63 triệu đồng/lượng (bán ra), tăng 50 ngàn đồng/lượng chiều và bán ra so với cuối giờ chiều qua.

Tỷ giá trung tâm tăng 15 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và Đôla Mỹ (USD) sáng 13/10 tăng phiên thứ 3 liên tiếp lên mức 22.012 đồng, tăng 15 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng

Trên thị trường châu Á, giá vàng giao ngay tăng 4 USD lên 1.259 USD/ounce sau một phiên nỗ lực tăng trên thị trường Mỹ trước đó. Đêm qua, trên sàn Comex New York, giá vàng giao ngay tăng bật ngay đầu phiên từ 1.250 USD lên gần 1.260 USD/ounce nhưng quay đầu giảm ngay sau đó.

Tỷ giá ngoại tệ: Bảng Anh xuống đáy lịch sử

Tỷ giá ngoại tệ ngày 13/10 diễn biến theo xu hướng USD tiếp tục tăng giá so với hầu hết các đồng tiền chủ chốt cho dù đã lên mức cao nhất 7 tháng phiên liền trước. Trên thị trường thế giới, USD tăng so với euro lên mức: 1 euro đổi 1,1013 USD, so với mức: 1 euro đổi 1,1062 USD cùng giờ phiên liền trước. USD cũng tăng mạnh so với bảng Anh lên mức: 1,2194 USD đổi 1 bảng Anh, so với mức 1,2223 USD đổi 1 bảng Anh. USD tăng so với yen Nhật lên: 104,26 yen đổi 1 USD so với 103,44 yen đổi 1 USD.

Giá dầu giảm do sản lượng của OPEC lên cao nhất 8 năm

Giá dầu giảm hơn 1% trong phiên giao dịch sau khi các quốc gia thuộc Tổ chức các nước Xuất khẩu Dầu lửa (OPEC) cho biết sản lượng của họ trong tháng 9 đạt mức cao nhất trong vòng 8 năm qua. Giá dầu Brent giảm 60 cent (1,1%) xuống mức 51,85 USD/thùng. Giá dầu WTI giảm 61 cent (1,2%) xuống mức 50,18 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều

Hết phiên giao dịch, Chỉ số Dow Jones tăng 15,54 điểm tương ứng 0,09% lên mức 18.144,20 điểm, chỉ số Nasdaq giảm 7,77 điểm tương ứng 0,15% xuống mức 5.239,02 điểm và chỉ số S&P 500 tăng 2,45 điểm tương ứng 0,11% lên mức 2.139,18 điểm.

**DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ**

Mã CP	Ngày mua	Vùng giá khuyến nghị mua	Giá hiện tại	Hiệu suất	Stoploss	Mục tiêu	Thời gian khuyến nghị	Ghi chú
FPT	16/09/2016	43-44	44	2.33%	39-40	58-60	3 tháng	Khuyến nghị theo FA và TA
BFC	21/09/2016	35-36	37.4	6.86%	32-33	49-50	3 tháng	Khuyến nghị theo FA và TA
KBC	30/09/2016	18-19	18.15	0.83%	17	23	3 tháng	Khuyến nghị theo FA và TA

Lưu ý tiêu chí chọn cổ phiếu:

- Doanh nghiệp có năng lực tài chính tốt, có kết quả kinh doanh tăng trưởng đều qua các quý/năm (hoặc) có chuyển biến nội tại tích cực về năng lực tài chính, KQKD trong ngắn/dài hạn. Ngoài ra các khuyến nghị cũng có thể dựa trên thuần túy phân tích kỹ thuật.

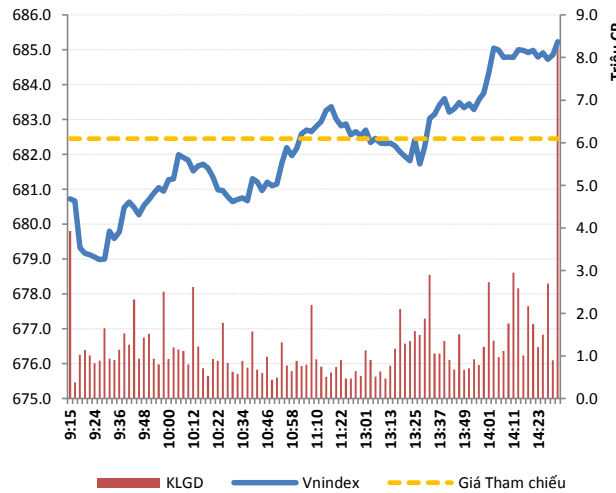
- Các khuyến nghị bán được thực hiện không chỉ dựa trên mức giá mục tiêu, giá stop loss mà còn phụ thuộc tình hình thị trường chung thay đổi (hoặc) cổ phiếu vẫn hoạt động tốt nên chúng tôi tiếp tục cho cổ phiếu chạy, dời mức trailing stop về 7 đến 8% so với giá đóng cửa cao nhất mà cổ phiếu này đạt được (hoặc) cổ phiếu chuyển sang giai đoạn hoạt động kém hiệu quả nên mức stoploss/mức giá mục tiêu bị dời lại.

CẬP NHẬT TÌNH HÌNH DN TRONG DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ

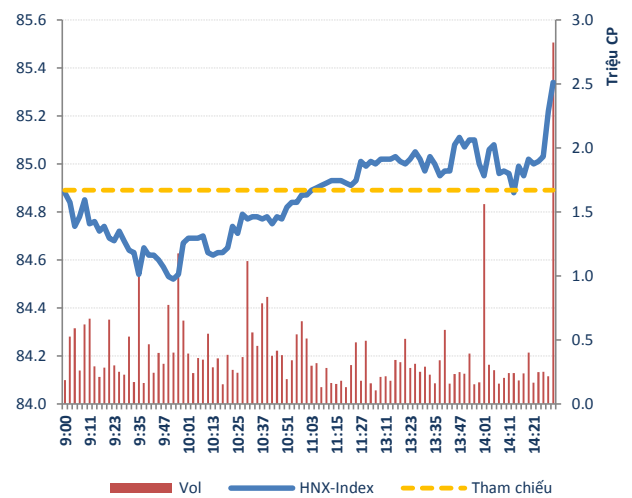


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

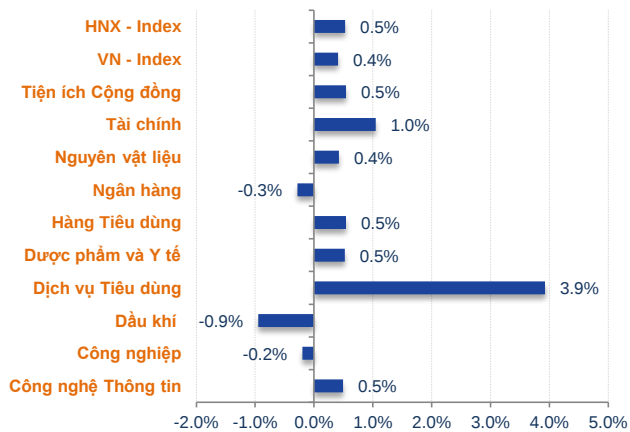
KLGD và VN-Index trong phiên



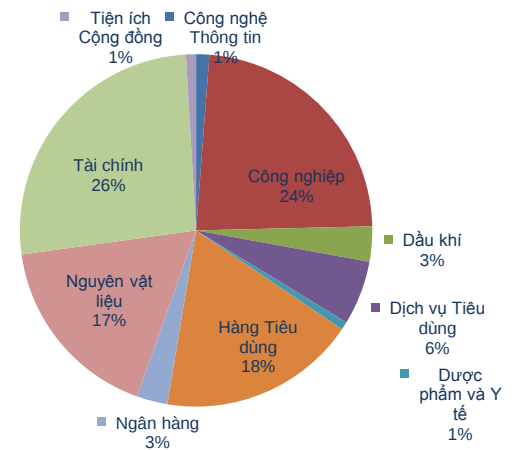
KLGD và HNX-Index trong phiên



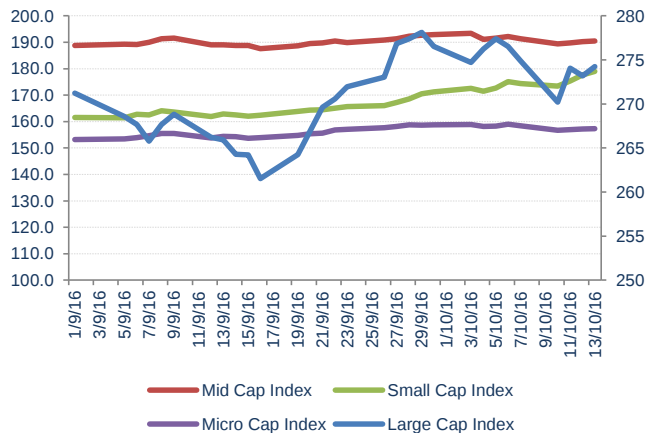
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



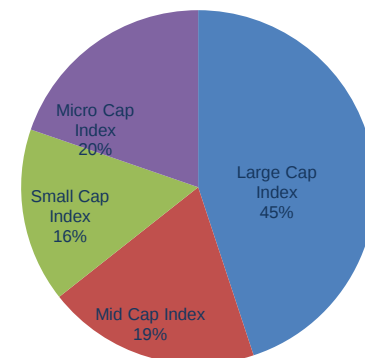
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	935,390	VIC	382,480
2	PVT	244,310	KBC	290,530
3	VNM	244,120	VSH	268,060
4	HPG	242,340	VCB	213,040
5	DAG	144,810	CTG	209,490

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VIX	80,500	VNR	108,300
2	TIG	70,000	VGS	108,000
3	EID	60,600	SCR	83,700
4	BVS	53,300	UNI	42,200
5	IVS	41,700	DXP	28,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
FLC	6.3	6.6	↑	3.97%	19,861,250
DLG	5.5	5.7	↑	3.83%	8,094,820
VIC	42.2	43.0	↑	1.90%	5,206,420
HHS	7.1	7.3	↑	3.82%	4,945,170
VHG	3.0	3.3	↑	6.91%	4,883,320

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
VCG	16.0	16.7	↑	4.38%	3,199,651
VIG	2.0	2.2	↑	10.00%	2,974,200
SHB	4.8	4.9	↑	2.08%	2,619,690
SCR	9.7	9.8	↑	1.03%	2,308,286
HKB	9.3	9.3	→	0.00%	2,307,394

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TCH	25.1	26.8	1.8	↑ 6.99%
MWG	138.0	147.6	9.6	↑ 6.96%
TSC	3.5	3.7	0.2	↑ 6.94%
HAI	3.9	4.2	0.3	↑ 6.92%
VHG	3.0	3.3	0.2	↑ 6.91%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KST	4.3	5.5	1.2	↑ 27.91%
ONE	7.0	7.7	0.7	↑ 10.00%
VIG	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
SGC	46.2	50.8	4.6	↑ 9.96%
L62	5.1	5.6	0.5	↑ 9.80%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DAH	15.8	14.7	-1.1	↓ -6.98%
SGT	3.9	3.6	-0.3	↓ -6.96%
CMV	16.0	14.9	-1.1	↓ -6.88%
HLG	11.0	10.3	-0.8	↓ -6.82%
TNT	3.1	2.9	-0.2	↓ -6.77%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
G20	5.0	4.5	-0.5	↓ -10.00%
VE9	8.0	7.2	-0.8	↓ -10.00%
LTC	6.1	5.5	-0.6	↓ -9.84%
TDN	5.1	4.6	-0.5	↓ -9.80%
HCT	11.3	10.2	-1.1	↓ -9.73%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	19,861,250	17.0%	2,002	3.3	0.5
DLG	8,094,820	5.1%	679	8.4	0.5
VIC	5,206,420	5.1%	769	55.9	3.5
HHS	4,945,170	8.9%	1,071	6.9	0.6
VHG	4,883,320	2.1%	256	12.7	0.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	3,199,651	4.5%	734	22.7	1.3
VIG	2,974,200	-8.4%	(577)	-	0.3
SHB	2,619,690	7.4%	890	5.5	0.4
SCR	2,308,286	2.3%	328	29.8	0.7
HKB	2,307,394	0.7%	96	97.2	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TCH	↑ 7.0%	14.5%	3,489	7.7	2.0
MWG	↑ 7.0%	54.7%	10,150	14.5	7.0
TSC	↑ 6.9%	3.3%	401	9.2	0.3
HAI	↑ 6.9%	6.3%	691	6.0	0.4
VHG	↑ 6.9%	2.1%	256	12.7	0.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KST	↑ 27.9%	12.8%	2,331	2.4	0.3
ONE	↑ 10.0%	9.4%	1,073	7.2	0.6
VIG	↑ 10.0%	-8.4%	(577)	-	0.3
SGC	↑ 10.0%	25.8%	3,797	13.4	3.6
L62	↑ 9.8%	2.9%	462	12.1	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	935,390	0.9%	103	46.4	0.4
PVT	244,310	9.5%	1,449	9.8	1.1
VNM	244,120	41.9%	6,233	22.8	8.9
HPG	242,340	30.2%	5,512	7.5	1.7
DAG	144,810	10.5%	1,243	12.6	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	80,500	11.4%	1,256	4.9	0.5
TIG	70,000	10.5%	1,228	4.2	0.5
EID	60,600	16.1%	2,335	6.5	1.0
BVS	53,300	7.2%	1,450	12.6	0.9
IVS	41,700	2.9%	295	41.3	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	206,106	41.9%	6,233	22.8	8.9
GAS	135,848	14.8%	3,337	21.3	3.4
VCB	134,197	13.6%	1,746	21.4	2.1
VIC	113,421	5.1%	769	55.9	3.5
CTG	63,856	10.6%	1,633	10.5	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	17,388	8.7%	1,253	15.5	1.3
PVS	9,604	11.0%	2,920	7.4	0.9
VCS	8,154	51.1%	10,707	12.7	6.1
VCG	7,377	4.5%	734	22.7	1.3
PHP	6,310	9.0%	1,178	16.4	1.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
LIX	2.75	44.2%	6,092	9.5	2.8
VNH	2.39	-19.8%	(872)	-	0.5
VCB	2.18	13.6%	1,746	21.4	2.1
EMC	2.16	2.7%	316	31.7	1.0
VRC	2.14	0.8%	97	95.2	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HKB	5.21	0.7%	96	97.2	0.9
DLR	3.90	-6.2%	(597)	-	1.1
TEG	3.65	6.5%	2,910	3.4	1.0
TAG	3.06	7.8%	908	67.8	5.4
BXH	2.90	14.9%	2,639	9.9	1.4



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Trần Xuân Bách
bach.tx@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779
